

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

HUYỀN THỊ THU TOÀN

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Quy Nhơn

PHẠM VĂN TƯỜNG

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn

Ngày nhận bài: 18/05/2021; Ngày phản biện, biên tập và sửa chữa: 26/05/2021; Ngày duyệt đăng: 03/06/2021

ABSTRACT

In this article, we studied and analyzed the inspection and assessment method of English learning results for non-linguistic students at Quy Nhon University. Research results showed that the inspection and assessment are not diversified and they are not conducted regularly, leading to inaccuracy in the assessment and students' stagnancy in learning, not making students fully manifest their capacity. Stemming from this reality, the authors have proposed a number of solutions to improve inspection and assessment.

Key words: Teaching activities, inspection, evaluation, quality, adjustment.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dạy học là một quá trình gồm nhiều khâu có liên quan mật thiết và tác động qua lại với nhau như: mục tiêu, nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá (KT-ĐG),... Trong đó, KT-ĐG không chỉ giúp phân loại chất lượng giảng dạy và học tập mà còn có chức năng phát hiện, điều chỉnh giúp giảng viên (GV) và sinh viên (SV) điều khiển quá trình dạy học theo chiều hướng tích cực: GV điều chỉnh phương pháp dạy, SV điều chỉnh phương pháp học tập phù hợp với yêu cầu thực tế. KT-ĐG là khâu cuối cùng của quá trình dạy học, công nhận trình độ và cấp bằng hoặc chứng chỉ cho người học, đồng thời là cơ sở để mở ra một quá trình dạy học mới. Vì vậy, KT-ĐG có vị trí và tầm quan trọng đặc biệt đối với toàn bộ quá trình dạy học. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy Tiếng Anh cho SV không chuyên ngữ tại Trường Đại học Quy Nhơn cho thấy, việc KT-ĐG tiếng Anh cho SV không chuyên ngữ tại Trường chưa mang lại hiệu quả cao cho chất lượng dạy và học. Để tìm hiểu cụ thể những bất cập, người viết đã tiến hành điều tra, phân tích và thảo luận về thực trạng KT-ĐG đang được tiến hành tại Trường, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm cải tiến công tác này.

II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

1. Khái niệm kiểm tra

Về khái niệm kiểm tra có nhiều định nghĩa khác nhau. Tác giả Trần Khánh Đức phát biểu kiểm tra là bộ phận hợp thành của hoạt động dạy-học nhằm nắm được những thông tin về trạng thái và kết quả học tập của người học, về những nguyên nhân cơ bản của thực trạng đó để tìm ra những biện pháp khắc phục những lỗ hổng, đồng thời củng cố và tiếp tục nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy-học [1]. Phan Trọng Ngọ đề xuất kiểm tra là việc thu thập những dữ liệu thông tin về một lĩnh vực nào đó làm cơ sở cho việc đánh giá [2]. Trần Thị Tuyết Oanh cho rằng, kiểm tra được hiểu theo nghĩa rộng như là theo dõi-quá trình học tập và cũng có thể hiểu theo nghĩa hẹp như là công cụ kiểm tra hoặc một bài kiểm tra trong các kì thi [3]. Theo tác giả Lâm Quang Thiệp, kiểm tra được hiểu là xem xét tình hình thực tế để đánh giá, nhận xét [4]. Như vậy, kiểm tra kết quả học tập của người học là quá trình người dạy thu thập thông tin về kết quả học tập của người học. Các thông tin này giúp người dạy kiểm soát được quá trình dạy học, phân loại và giúp đỡ người học. Kiểm tra có ba bộ phận liên kết, thống nhất, thâm nhập vào nhau và bổ sung cho nhau, đó là: đánh giá, phát hiện lệch lạc và điều chỉnh.

2. Khái niệm đánh giá

Về khái niệm đánh giá, tùy thuộc vào các cấp độ, đối tượng, mục đích đánh giá mà mỗi định nghĩa đều nhấn mạnh về lĩnh vực cần đánh giá. Theo tác giả Lưu Xuân Mới, đánh giá là quá trình hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả công việc, dựa vào sự phân tích những thông tin thu được, đối chiếu với những mục tiêu, tiêu chuẩn đã đề ra nhằm đề xuất những quyết định thích hợp để cải thiện thực trạng, điều chỉnh nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc [5]. Phan Trọng Ngọ định nghĩa đánh giá trong dạy học bao gồm việc thu thập thông tin về một lĩnh vực nào đó trong dạy học; nhận xét và phán xét đối tượng đó, trên cơ sở đối chiếu các thông tin thu nhận được với mục tiêu được xác định ban đầu [2]. Hoàng Phê cho rằng, đánh giá được hiểu là nhận định giá trị, các kết quả kiểm tra thành tích học tập, rèn luyện của người học được thể hiện trong việc đánh giá những thành tích học tập, rèn luyện đó [6]. Lâm Quang Thiệp đã nêu đánh giá là quá trình thu thập, sử dụng thông tin để người dạy có thể ra quyết định tốt hơn sau một quá trình thực hiện hoạt động dạy và học [4]. Như vậy, kiểm tra và đánh giá là hai công việc có thứ tự và đan xen nhằm miêu tả và tập hợp những bằng chứng về kết quả của quá trình giáo dục để đối chiếu với mục tiêu. Trong thực tế, có thể tiến hành thu thập các thông tin nhưng không đánh giá. Song để đánh giá được phải tiến hành kiểm tra, thông qua kiểm tra mới có thể đánh giá và đánh giá chính là kết quả của kiểm tra.

3. Các phương pháp đánh giá

Theo tác giả Lâm Quang Thiệp, trong dạy học có 3 loại đánh giá: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ và đánh giá tổng kết [4].

Đánh giá thường xuyên được GV tiến hành hàng ngày qua quan sát một cách có hệ thống hoạt động học tập của SV, qua việc lĩnh hội tri thức mới, ôn tập và củng cố tri thức cũ cũng như vận dụng tri thức vào thực tiễn giúp kịp thời điều chỉnh hoạt động của cả GV và SV, thúc đẩy SV cố gắng tích cực học tập một cách liên tục, có hệ thống, đồng thời tạo điều kiện để quá trình dạy học chuyển sang bước phát triển cao hơn.

Đánh giá định kì thường được tiến hành sau từng giai đoạn học tập, là dạng đánh giá thường được thực hiện sau khi học một phần, một chương hoặc giữa kì, cuối một học kì. Đánh giá định kì cho phép cả người dạy lẫn người học nhìn lại kết quả làm việc sau một thời gian nhất định, củng cố và mở rộng những nội dung đã học, từ đó định hướng cho quá trình dạy học tiếp theo.

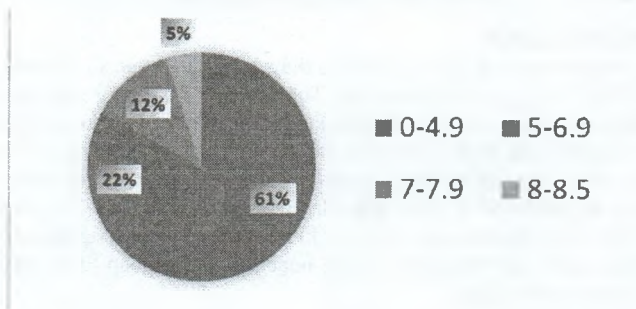
Đánh giá tổng kết được tiến hành sau khi kết thúc môn học, năm học, khóa học bằng những kỳ thi nhằm đánh giá tổng quát kết quả học tập. Đánh giá này xác định mức độ mà người học đạt được các mục tiêu học tập đã đề ra hay xếp loại theo mục đích nào đó.

III. PHƯƠNG PHÁP, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu được áp dụng trong nghiên cứu đó là định lượng và định tính: chúng tôi đã thống kê kết quả thi học phần tiếng Anh 1 và tiếng Anh 2 của 400 SV khóa 42 năm học 2019-2020 tại Trường Đại học Quy Nhơn để tìm hiểu những hạn chế của việc kiểm tra và đánh giá đang được tiến hành. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tiến hành lấy phiếu khảo sát của 200 SV khóa 42 gồm nhiều ngành khác nhau để thu thập thông tin và giải thích kỹ kết quả nghiên cứu định lượng. Bảng câu hỏi khảo sát được thiết kế bao gồm các câu hỏi liên quan đến nguyên nhân của việc KT-ĐG chưa phản ánh đúng thực lực của SV, về vai trò của KT-ĐG tiếng Anh, mục tiêu và thực trạng đánh giá tiếng Anh đang được áp dụng tại Trường Đại học Quy Nhơn.

IV. PHÂN TÍCH DỮ LIỆU VÀ THẢO LUẬN

Số liệu được thể hiện qua biểu đồ sau:



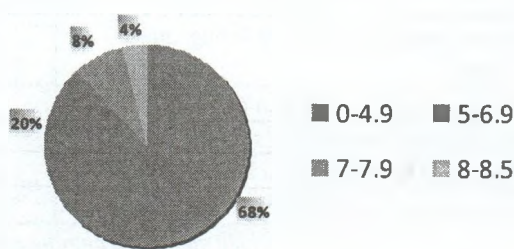
Biểu đồ 1: Kết quả thi học phần tiếng Anh 1

Qua thống kê điểm thi tiếng Anh 1 cho thấy, số SV có điểm thi nhỏ hơn 5 chiếm 61%, 22% nằm trong phạm vi điểm từ 5-6.9 điểm, 12% nằm trong phạm vi điểm từ 7-7,9, thang điểm từ 8-8.5 chiếm 5%.

Mục tiêu đánh giá	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
Nhớ kiến thức, kỹ năng môn học	76%	24%	0%
Hiểu kiến thức, kỹ năng môn học	72%	28%	0%
Vận dụng kiến thức, kỹ năng trong những tình huống quen thuộc	60%	32%	8%
Vận dụng kiến thức, kỹ năng trong những tình huống mới, ít quen thuộc	10%	39%	51%

Bảng 1: Mục tiêu đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Anh của SV

Kết quả điều tra cho thấy, đa số SV cho biết, mục tiêu mà GV đánh giá nhiều nhất là nhớ kiến thức, kỹ năng môn học. Tiếp theo là hiểu kiến thức, kỹ năng môn học và vận dụng kiến thức, kỹ năng trong những tình huống quen thuộc. Vận dụng kiến thức, kỹ năng trong những tình huống mới, ít quen thuộc ở vị trí cuối cùng. Như vậy, có thể thấy, trong quá trình đánh giá kết quả học tập, GV ưu tiên đánh giá cho ba mục tiêu đầu nhiều hơn, trong đó chú trọng hơn cả vào mục tiêu hiểu kiến thức, kỹ năng môn học. Điều này thể hiện trong quá trình đánh giá kết quả học tập GV vẫn quan



Biểu đồ 2: Kết quả thi học phần tiếng Anh 2

Qua thống kê điểm thi tiếng Anh 2 cho thấy, số SV có điểm thi nhỏ hơn 5 là 68%, 20% nằm trong phạm vi điểm từ 5-6.9 điểm, 8% nằm trong phạm vi điểm từ 7-7,9, thang điểm từ 8-8.5 chiếm 4%.

Kết quả khảo sát cho thấy, điểm thi của các em chưa cao, đa số điểm thi nằm dưới 5. Để tìm hiểu một phần nguyên nhân của kết quả điểm thi như thế chúng tôi đã tiến hành phát phiếu khảo sát và kết quả thu được như sau.

Nguyên nhân từ phía SV (học đối phó, học tù, học lệch) chiếm 45%; từ phía người dạy (các phương pháp, hình thức đánh giá chưa đa dạng) chiếm 55%.

Đa số SV chọn nguyên nhân đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Anh chưa chính xác là do các phương pháp đánh giá chưa toàn diện. Thực tế cho thấy, việc đánh giá kết quả học tập của SV đang được áp dụng tại Trường hiện nay là chuyên cần chiếm 10%, giữa kỳ 20% và thi kết thúc học phần chiếm 70%. Như vậy, SV chỉ phải trải qua hai kỳ thi chính thức, trong đó kỳ thi cuối kỳ chiếm tỷ số rất cao nên chứa đựng nhiều may rủi, chưa đánh giá đúng năng lực của SV. Do đó, chưa khắc phục được tình trạng học tù, học lệch, yếu tố may rủi trong đánh giá kết quả học tập. Nguyên nhân từ phía SV có thể được giải thích là qua tìm hiểu thực tiễn chúng tôi thấy, còn nhiều SV gian lận trong quá trình KT-ĐG, còn hiện tượng sử dụng tài liệu, học đối phó, học lệch,... Đây có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Anh chưa chính xác. Vì vậy, cần đa dạng phương pháp, hình thức và các công cụ KT-ĐG giúp SV điều chỉnh hoạt động học tập, nâng cao kết quả môn Tiếng Anh.

tâm nhiều đến đánh giá các tri thức về ngữ pháp, từ vựng của môn học. GV cũng đã thực hiện đánh giá các năng lực của SV nhưng mới chỉ tập trung vào đánh giá việc vận dụng kiến thức ở mức độ thấp, chưa thực sự chú ý đến đánh giá các mục tiêu vận dụng ở mức độ cao. Việc đánh giá như vậy là vẫn nghiêng về kiến thức nhiều hơn là đánh giá sự vận dụng kiến thức, kỹ năng trong những tình huống thực tế. Để thực hiện tốt đánh giá kết quả học tập GV cần phải tập trung nhiều hơn cho các mục tiêu vận dụng để SV nắm vững kiến thức môn học.

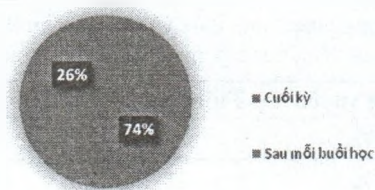
Phương pháp, hình thức đánh giá	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
Phương pháp quan sát	0%	10%	20%	70%
Phương pháp tự đánh giá	0%	0%	0%	100%
Phương pháp đánh giá lẫn nhau	0%	0%	0%	0%

Phương pháp tự đánh giá thông qua hồ sơ học tập	0%	0%	0%	0%
Phương pháp kiểm tra vấn đáp	10%	48%	42%	0%
Phương pháp kiểm tra viết luận	0%	40%	57%	3%
Phương pháp trắc nghiệm khách quan	56%	44%	0%	0%
Phương pháp kiểm tra thực hành	0%	12%	38%	50%

Bảng 2: Ý kiến của SV về phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Anh

Kết quả trên cho thấy, GV chưa sử dụng đa dạng các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Anh. GV đã chú ý thực hiện đánh giá thông qua dạy học. Tuy nhiên, có thể thấy, GV còn khá chú trọng đến các phương pháp, hình thức mang tính truyền thống mà chưa thực sự chú ý đến các phương pháp mới hướng đến năng lực người học, vì vậy chưa thực sự phát huy được tính tích cực cũng như năng lực của người học. Cách chấm điểm này tập trung vào chấm điểm nội dung, chưa chú ý đến các đặc trưng về năng lực cần đánh giá của người học. Ví dụ, yêu cầu đặt ra là cần phải đa dạng hơn nữa các phương pháp đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Anh hướng đến nâng cao kết quả học tập cho SV. Điều này thể hiện ở thời điểm đánh giá: trong giờ học (5%), sau mỗi buổi học (7%), sau mỗi tín chỉ 15 tiết (18%), giữa học kỳ khoảng 30 tiết (25%), gần cuối học kỳ (100%), cuối học kỳ (100%).

Kết quả khảo sát cho thấy, việc đánh giá không được diễn ra thường xuyên mà tất cả SV được đánh giá vào gần cuối học kỳ và cuối học kỳ. Thực tế cho thấy, gần cuối học kỳ các em được đánh giá bằng bài thi nghe và cuối học kỳ SV được đánh giá bài thi ngữ âm, ngữ pháp, đọc hiểu, viết với hình thức thi tập trung vào một ngày nhất định được quy định bởi nhà trường. Như vậy, việc KT-ĐG thường được diễn ra sau cùng, khi kết thúc môn học dẫn đến tồn tại một số hạn chế nhất định đó là chưa định hướng cho việc dạy và học, không cung cấp kịp thời thông tin về sự tiến bộ của người học làm cho họ có sự ỷ ảnh hưởng đến sự tiến bộ trong môn học.



Biểu đồ 3: Về thời điểm học bài của SV

Biểu đồ trên cho thấy, phần lớn SV chỉ học bài vào thời điểm cuối môn học khi có đề cương ôn tập thi học kỳ thay vì học bài thường xuyên. Điều này chứng tỏ nội dung và thời điểm kiểm tra không chỉ ảnh hưởng đến cách học bài của SV mà còn ảnh hưởng đến thời điểm học bài của SV và còn cho thấy tính chất thụ động, ứng phó với thi cử trong phương pháp học tập của SV. Như vậy, có thể nói, tính không thường xuyên trong KT-ĐG kéo theo tính không liên tục trong việc học tập của SV.

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN

Nhằm khắc phục những bất cập này GV nên đa dạng hơn nữa trong việc sử dụng các hình thức KT-ĐG kết quả học tập. Điều này sẽ giúp cho kết quả kiểm tra được phản ánh trung thực. Đồng thời cũng góp phần làm cho SV tích cực hơn trong các hoạt động học tập. Việc sử dụng đa dạng các hình thức KT-ĐG kết quả học tập cũng phải song hành với đó là các cột điểm tương ứng để kích thích SV tích cực trong học tập.

GV nên thực hiện KT-ĐG kết quả học tập một cách thường

xuyên hơn nữa. Vì vậy, sẽ khiến SV học tập thường xuyên hơn thay vì chỉ học vào thời điểm gần cuối hoặc cuối môn học. GV nên xây dựng các tiêu chí KT-ĐG kết quả học tập chi tiết, rõ ràng và công bố ngay từ khi bắt đầu môn học. Điều này sẽ giúp SV chủ động và cố gắng hơn trong học tập.

GV cần kết hợp việc đánh giá ghi nhớ của SV về từ vựng, ngữ âm, cấu trúc ngữ pháp và KT-ĐG năng lực giao tiếp, vận dụng kiến thức ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp cụ thể; theo dõi và khích lệ quá trình hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của SV, kết hợp được các hình thức đánh giá khác nhau như đánh giá thường xuyên và định kỳ của GV với việc tự đánh giá của SV, đánh giá của nhà trường và đánh giá của xã hội.

VI. KẾT LUẬN

Nghiên cứu về mặt lí luận cho thấy, trong giáo dục và đào tạo, KT-ĐG đóng vai trò then chốt. Thông qua KT-ĐG GV xác định được khả năng, mức độ lĩnh hội kiến thức, kĩ năng vận dụng ngôn ngữ, đánh giá được những vấn đề tồn tại trong các kĩ năng, từ đó tự điều chỉnh, cải tiến phương pháp giảng dạy, giúp SV giải quyết các khó khăn đó. KT-ĐG thúc đẩy động cơ học tập của SV, giúp SV tự đánh giá mức độ đạt được kĩ năng tiếp nhận, tương tác, sản sinh ngôn ngữ của mình, có kế hoạch, phương pháp tự ôn tập, củng cố kiến thức.

Qua nghiên cứu cho thấy, kết quả học tập của SV không cao. Trong KT-ĐG GV còn khá chú trọng đến các phương pháp, hình thức đánh giá mang tính truyền thống, chủ yếu tập trung vào việc SV ghi nhớ nội dung kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, về mức độ SV thể hiện các kĩ năng nghe, đọc, nói, viết về một số chủ điểm nhất định, được quy định trong chương trình giảng dạy. Việc KT-ĐG thường diễn ra sau một thời gian dạy học nhất định, là giữa kỳ hoặc cuối học kỳ. Vì vậy, thường không phản ánh đúng thực chất chất lượng của quá trình dạy học, không tạo cho SV động lực phấn đấu thường xuyên hoặc gây khó khăn cho SV vì các em phải ôn tập một lượng kiến thức lớn trong một thời gian ngắn, chưa chắn đoán kết quả đạt được theo mục tiêu tiến trình nhằm cung cấp kịp thời thông tin phản hồi cho GV và SV về những tiến bộ và những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Do đó, để nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập Tiếng Anh, GV cần phải đa dạng hình thức KT-ĐG, tăng cường tần suất KT-ĐG và kết hợp các hình thức đánh giá khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Khánh Đức (2010), Đo lường đánh giá trong giáo dục, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Phan Trọng Ngọ (2005), Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Trần Thị Tuyết Oanh (2005), Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, Giáo trình Giáo dục học, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Lâm Quang Thiệp (2011), Đo lường trong giáo dục lí thuyết và ứng dụng, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Lưu Xuân Mới (1998), Kiểm tra, thanh tra, đánh giá trong giáo dục, Tài liệu Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục và Đào tạo Trung ương 1, Hà Nội.
6. Hoàng Phê (2000), Từ điển Tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng.